

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC MÔ TẢ TRONG BẢN CÁO BẠCH NÀY LÀ QUỸ ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 144/2003/NĐ-CP NGÀY 28/11/2003 VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH, BẢN CÁO BẠCH NÀY ĐƯỢC ĐĂNG KÝ VỚI ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC NGÀY 05 THÁNG 07 NĂM 2006.

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY PHÉP PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC XIN PHÉP LẬP QUỸ VÀ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, KHÔNG HÀM Ý BẢO ĐẢM VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH CŨNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ.

## QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)

(Giấy phép thành lập và phát hành số 01/GP – QĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 03 năm 2004)

Ngày đăng ký Bản cáo bạch: 05 tháng 07 năm 2006.

# BẢN CÁO BẠCH

## TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)



Chịu trách nhiệm về các thông tin:

Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám Đốc Công ty VFM

### BẢN CÁO BẠCH NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

#### Tp. Hồ Chí Minh

Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư  
Chứng khoán Việt Nam (VFM)  
Lầu 8, Tòa nhà Bitexco  
19 – 25 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM  
Tel: (84-8) 914 3393 – Fax: (84-8) 914 3392  
Email: info@vinafund.com  
Website: www.vinafund.com

Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn  
180 -182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM  
Tel: (84-8) 821 8567 – Fax: (84-8) 821 3867  
Email: ssi@ssi.com.vn  
Website: www.ssi.com.vn

#### Hà Nội

Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư  
Chứng khoán Việt Nam (VFM)  
Lầu 7, Tòa nhà Sacombank,  
88 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.  
Tel: (84-4) 942 8168 – Fax: (84-4) 942 8169  
Email: info@vinafund.com  
Website: www.vinafund.com

Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn  
25 Trần Bình Trọng, Hà Nội  
Tel: (84-4) 942 6718 – Fax: (84-4) 942 6719  
Email: ssi\_hn@ssi.com.vn  
Website: www.ssi.com.vn

Số: 468/QĐ - UBCK

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2006

## CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 161/2004/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 73/2004/QĐ-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán và Công ty quản lý quỹ;

Căn cứ Quyết định số 30/2006/QĐ-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán và Công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 73/2004/QĐ-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2004;

Xét hồ sơ xin tăng vốn điều lệ của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1) do Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM) đệ trình ngày 23 tháng 05 năm 2006;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chấp thuận cho phép Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng (tăng 200 tỷ đồng). Trong đó, phát hành 60% cho người đầu tư hiện hữu với giá bằng mệnh giá, và 40% được phát hành cho người đầu tư hiện hữu với giá phát hành dựa trên cơ sở tham chiếu là giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam.

**Điều 2.** Ban đại diện Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản liên quan và Bản cáo bạch đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn trong quá trình phát hành chứng chỉ quỹ để tăng vốn điều lệ Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư chứng khoán số 01/UBCK-ĐKQĐT ngày 20 tháng 5 năm 2004.

**Điều 4.** Quyết định này được lập thành hai (02) bản gốc; một (01) bản cấp cho Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam; một (01) bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Bằng**

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BÀN CÁO BẠCH</b>	5
<b>II. CÁC KHÁI NIỆM</b>	6
<b>III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1</b>	8
1. Tổng quan về Quỹ đầu tư VF1	8
1.1 <i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	8
1.2 <i>Thông tin chính về Quỹ đầu tư VF1</i>	8
1.3 <i>Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các bên có liên quan</i>	9
1.4 <i>Cơ cấu nhà đầu tư hiện tại</i>	12
2. Hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư VF1 từ ngày 20/05/2004 đến ngày 19/05/2006	12
2.1 <i>Tình hình giải ngân vốn</i>	12
2.2 <i>Tình hình thanh toán các khoản đầu tư</i>	15
2.3 <i>Kết quả hoạt động</i>	15
<b>IV. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN QUỸ ĐẦU TƯ VF1</b>	18
1. Các luận cứ cho việc tăng vốn Quỹ đầu tư VF1	18
1.1 <i>Cơ sở pháp lý</i>	18
1.2 <i>Cơ sở thực tiễn</i>	18
2. Cơ hội thị trường	18
2.1 <i>Triển vọng nền kinh tế Việt Nam</i>	18
2.2 <i>Dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2006</i>	19
2.3 <i>Những cơ hội đầu tư</i>	19
3. Nhu cầu vốn	20
4. Phương án sử dụng vốn	21
4.1 <i>Mục tiêu đầu tư</i>	21
4.2 <i>Chính sách đầu tư</i>	21
5. Phương thức tăng vốn	23
<b>V. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN KHÁC</b>	28
1. Các khoản phí, thưởng	28
1.1 <i>Phí đăng ký mua chứng chỉ quỹ</i>	28
1.2 <i>Phí thường niên</i>	28
1.3 <i>Phí khác</i>	28
1.4 <i>Thưởng hoạt động</i>	29

2. Phương pháp định giá NAV	30
2.1 Thời gian thực hiện việc định giá	30
2.2 Nguyên tắc thực hiện việc định giá giá trị tài sản ròng (NAV)	30
3. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận	30
3.1 Phương pháp tính thu nhập	30
3.2 Kế hoạch phân chia lợi nhuận	32
4. Giao dịch chứng chỉ quỹ	32
5. Trường hợp ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ	32
6. Xung đột về lợi ích giữa quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác	32
7. Chế độ báo cáo	33
7.1 Báo cáo tài chính	33
7.2 Báo cáo khác	33
<b>VI. CÁC YẾU TỐ RỦI RO</b>	<b>34</b>
1. Rủi ro hệ thống	34
2. Rủi ro về lãi suất thị trường	34
3. Rủi ro về mất khả năng thanh toán	34
4. Rủi ro về tính thanh khoản	34
5. Rủi ro cạnh tranh	34
6. Rủi ro về chính sách, luật pháp	35
7. Rủi ro quản lý	35
8. Rủi ro về sự giảm sút giá trị tài sản ròng của quỹ	35
9. Rủi ro về biến động giá trị tài sản ròng và giá giao dịch chứng chỉ quỹ sau đợt tăng vốn	35
<b>VII. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC</b>	<b>36</b>

**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****Tổ chức phát hành**

Ông Phan Đào Vũ	Chủ tịch Ban đại diện Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1)
Ông Trần Thanh Tân	Tổng Giám đốc Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM)
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh	Giám đốc Tài chính Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi đã được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**Tổ chức tư vấn**

Ông Nguyễn Hồng Nam	Giám đốc điều hành Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn
---------------------	---

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép tặng vốn do Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở thông tin và số liệu do Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM) cung cấp.



## II. CÁC KHÁI NIỆM

Những từ dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

Ban đại diện quỹ	Là những người đại diện cho người đầu tư được Đại hội người đầu tư bầu ra để thay mặt người đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ đầu tư VF1, Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát.
Chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1	Là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do công ty quản lý quỹ VFM đại diện cho Quỹ đầu tư VF1 phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ đầu tư VF1 theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị quỹ của người đầu tư đó trong vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VF1.
Công ty Ernst & Young	Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam.
Công ty SSI	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn.
Công ty VFM	Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam.
Cổ tức quỹ	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Người đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của người đầu tư.
Dragon Capital	Công ty Dragon Capital Management.
Đại hội người đầu tư	Là đại hội của người đầu tư có quyền biểu quyết và được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ đầu tư VF1. Đại hội người đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VF1.
Đơn vị quỹ	Là vốn điều lệ quỹ được chia thành nhiều phần bằng nhau với mệnh giá 10.000 đồng/ đơn vị.
Giá trị tài sản ròng của quỹ	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF1 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ đầu tư VF1 tại thời điểm định giá.
Ngày đóng quỹ	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN chấp thuận.
Người đầu tư hiện hữu	Là những người đầu tư pháp nhân, cá nhân trong nước và ngoài nước đang nắm giữ chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 vào ngày chốt danh sách người đầu tư có quyền mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 phát hành trong giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của đợt tăng vốn thực hiện theo Bản cáo bạch này.
Quỹ đầu tư VF1	Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam.
Quỹ đầu tư chứng khoán đóng	Là quỹ đầu tư chứng khoán trong đó người đầu tư không được quyền bán lại chứng chỉ quỹ đầu tư cho quỹ trước thời hạn kết thúc hoạt động hoặc giải thể.

Sacombank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.
Thời điểm định giá	Ngày làm việc cuối cùng mỗi tháng hoặc những ngày khác mà Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 xác định để định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1.
Thưởng hoạt động	Là khoản thưởng được Quỹ đầu tư VF1 trả thêm cho công ty quản lý quỹ VFM ngoài phí quản lý.
Thanh toán	Là việc công ty VFM tiến hành bán các khoản đầu tư đang nắm giữ để thực hiện việc thu lợi tức hoặc tiến hành thu hồi vốn để tiến hành việc đầu tư khác.
Thành viên lưu ký	Là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép lưu ký để cung cấp dịch vụ lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán đã đăng ký làm thành viên lưu ký tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
TTGDCK	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
Vốn điều lệ quỹ	Là số tổng vốn bằng tiền do tất cả Người đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ này.
Vietcombank	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Các khái niệm khác (nếu có) sẽ được hiểu theo quy định tại Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan.





### III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1

#### 1. Tổng quan về Quỹ đầu tư VF1

##### 1.1 Quá trình hình thành và phát triển:

Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam là quỹ đầu tư chứng khoán đóng, được thành lập ngày 24/03/2004 theo Giấy phép lập quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng số 01/GP-QĐT của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo giấy phép này, vốn điều lệ được phép huy động của quỹ là 300 tỷ đồng, tương ứng với 30 triệu đơn vị quỹ, mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá 10.000 đồng.

Từ ngày 24/03/2004 đến ngày 10/04/2004, Quỹ đầu tư VF1 bắt đầu huy động vốn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tại thời điểm đóng quỹ vào ngày 10/04/2004, quỹ đã huy động được 300 tỷ đồng vốn điều lệ với sự tham gia của 1.064 nhà đầu tư, trong đó, có 1.046 cá nhân, chiếm 53% vốn góp và 18 tổ chức, chiếm 47% vốn góp.

Ngày 20/05/2004, Quỹ đầu tư VF1 chính thức đi vào hoạt động với Giấy phép số 01/UBCK-ĐKQĐT do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Bốn tháng sau, vào ngày 22/09/2004, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép niêm yết số 01/UBCK – NYQĐT cho Quỹ đầu tư VF1. Chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 được chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/11/2004.

Qua thời gian 2 năm hoạt động, Quỹ đầu tư VF1 đã thể hiện sự tăng trưởng ổn định, giá trị tài sản ròng (NAV) đạt 23.393 đồng/đơn vị quỹ vào ngày 19/05/2006. Cùng với sự tăng trưởng NAV của quỹ, giá giao dịch của Quỹ đầu tư VF1 đã đạt mức 39.000 đồng/đơn vị vào thời điểm này.

##### 1.2 Thông tin chính về quỹ đầu tư VF1:

Tên Quỹ:	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Tên tiếng Anh:	Vietnam Securities Investment Fund
Tên viết tắt:	Quỹ đầu tư VF1
Tên giao dịch:	VFMVF1
Hình thức Quỹ:	Quỹ đầu tư chứng khoán đóng
Vốn điều lệ:	300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)
Mệnh giá:	10.000 đồng/đơn vị quỹ
Số lượng đơn vị Quỹ:	30.000.000 (Ba mươi triệu)
Thời hạn hoạt động:	10 năm kể từ ngày cấp phép
Mục tiêu đầu tư:	Đầu tư vào các cổ phiếu có tiềm năng phát triển sẽ và đang niêm yết, các chứng khoán nợ khác nhằm cân bằng và giảm thiểu rủi ro.
Đối tượng nhà đầu tư:	Pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước
Giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng:	Giấy phép số 01/GP-QĐT ngày 24/03/2004 do UBCKNN cấp.
Giấy phép hoạt động của quỹ:	Giấy phép số 01/UBCK-ĐKQĐT ngày 20/05/2004 do UBCKNN cấp.
Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ:	Giấy phép số 01/UBCK-NYQĐT ngày 22/09/2004 do UBCKNN cấp.
Công ty quản lý quỹ:	Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM)

Ngân hàng giám sát:	Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
Công ty kiểm toán:	Công ty Kiểm toán Ernst&Young.
Chính sách cổ tức:	Hàng năm, dựa trên cơ sở cổ tức từ các khoản đầu tư.
Định giá tài sản ròng (NAV):	Hàng tuần, thông báo trên bản tin TTCK và trang web.
Phí:	Phí quản lý: 2%/ NAV/ năm, Phí giám sát & lưu ký: 0,12%/ NAV/ năm, Thưởng hoạt động & các phí khác.

### 1.3 Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các bên có liên quan

#### a. Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1

Theo Nghị quyết Đại hội Người đầu tư Thường niên của Quỹ đầu tư VF1 2005 ngày 28/02/2006, Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 năm 2006 bao gồm 07 (bảy) thành viên:

(1) Ông Phan Đào Vũ	Chủ tịch
(2) Bà Huỳnh Quế Hà	Phó Chủ tịch
(3) Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
(4) Ông Hoàng Kiên	Thành viên
(5) Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
(6) Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên
(7) Bà Giao Thị Yến	Thành viên

Trong các thành viên Ban Đại Diện Quỹ nêu trên, Ông Hoàng Kiên và Ông Phan Minh Tuấn đắc cử trong nhiệm kỳ 2006 sau nhiệm kỳ năm 2005.

#### Thông tin chi tiết về các thành viên Ban đại diện quỹ:

##### (1) Ông Phan Đào Vũ - Chủ tịch

Ông Phan Đào Vũ là người đại diện cho vốn đầu tư của Ngân hàng Indovina vào Quỹ đầu tư VF1. Ông Vũ hiện đang là Ủy viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám Đốc thứ nhất của Ngân hàng Indovina tại Việt Nam. Ông cũng đã có nhiều năm công tác tại Ngân hàng Trung Ương và đảm trách các chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Ông Vũ là cử nhân kinh tế đã qua nhiều khóa đào tạo về chuyên môn và quản lý trong và ngoài nước. Ông cũng đã nhận bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Đại học Hawaii tại Hoa Kỳ.

##### (2) Bà Huỳnh Quế Hà - Phó Chủ tịch thường trực

Bà Huỳnh Quế Hà là người đại diện cho vốn đầu tư của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) vào Quỹ đầu tư VF1.

Bà hiện đang là Phó Chủ Tịch thường trực Hội đồng Quản Trị của Ngân hàng Sacombank, đồng thời bà cũng giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT công ty chứng khoán Đệ Nhất. Trước khi gia nhập đội ngũ cán bộ quản trị cao cấp của ngân hàng, bà Hà từng giữ chức vụ Trưởng phòng Xuất Nhập Khẩu công ty Donabochang; Trợ lý kiêm Trưởng phòng tài chính công ty ProSun; Giám đốc kinh doanh công ty Sunesco.

##### (3) Ông Nguyễn Thanh Hùng - Phó Chủ tịch

Ông Nguyễn Thanh Hùng là người đại diện cho vốn đầu tư của Sovico Group vào Quỹ đầu tư VF1.

Ông Hùng đã nhận được bằng tiến sĩ tại Nga và hiện nay đảm nhiệm vị trí Chủ Tịch Hội đồng Quản trị của Sovico Group.

*(4) Ông Hoàng Kiên - Thành viên*

Ông Hoàng Kiên là người đại diện cho vốn đầu tư của Quỹ Vietnam Enterprise Investment Ltd. (VEIL) vào Quỹ đầu tư VF1. Ông Kiên đã từng công tác tại PetroVietnam phụ trách các hoạt động giao dịch quốc tế. Hiện nay, ông Kiên là Giám đốc nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư của Quỹ VEIL mà Công ty Dragon Capital quản lý.

*(5) Bà Ngô Thị Thu Trang - Thành viên*

Bà Ngô Thị Thu Trang là người đại diện cho vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) vào Quỹ đầu tư VF1. Tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán Tp.HCM năm 1984 chuyên ngành kế toán công nghiệp và thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Mở bán công Tp.HCM vào năm 2001, bà Trang giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Vinamilk từ năm 1998. Hiện tại, bà Trang là Phó Tổng Giám đốc công ty Vinamilk.

*(6) Ông Phan Minh Tuấn - Thành viên*

Ông Phan Minh Tuấn là người đại diện cho vốn đầu tư của Công ty Dragon Capital vào Quỹ đầu tư VF1. Tốt nghiệp trường Đại học Xây dựng Dân dụng Kharkov (Liên Xô cũ) năm 1976 với bằng ưu trong ngành Xây dựng dân dụng và tốt nghiệp Thạc sĩ khoa học năm 1982 tại Học viện Delt (Hà Lan). Ông Tuấn từng là chuyên gia quản lý - cố vấn kỹ thuật trong một số dự án của Bộ Xây dựng Việt Nam; là Giám đốc Dự án cho Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Trước khi tham gia vào Dragon Capital, ông Tuấn đã làm việc tại Peregrine Capital Việt Nam với chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hà Nội. Hiện nay, ông Tuấn giữ vai trò Giám đốc kiêm Trưởng đại diện Công ty Dragon Capital tại Hà Nội.

*(7) Bà Giao Thị Yến - Thành viên*

Bà Giao Thị Yến là người đại diện cho vốn đầu tư của Công ty CP Chứng khoán Tp. HCM (HSC) vào Quỹ đầu tư VF1. Bà Yến hiện đang là Tổng Giám Đốc của Quỹ đầu tư Phát triển đô thị Tp. HCM, một tổ chức tài chính nhà nước của thành phố HCM và là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty HSC.

Bà Yến đã từng giữ các vị trí cao cấp, quan trọng như Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và tài chính công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO), Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) và Phó Trưởng Ban tài chính Quản trị Thành ủy.

*b. Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM)*

Công ty Liên doanh quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam là một liên doanh giữa Dragon Capital Management và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, được thành lập theo Giấy phép số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15/07/2003 của UBCKNN. Công ty quản lý quỹ VFM là công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ đầu tư VF1. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật đầu tư nước ngoài và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý quỹ VFM là công ty liên doanh đầu tiên tại Việt Nam chuyên về quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư.

**Ban điều hành công ty quản lý quỹ VFM:**

- |                        |                                      |
|------------------------|--------------------------------------|
| (1) Ông Trần Thanh Tân | Tổng Giám đốc                        |
| (2) Bà Đỗ Sông Hồng    | Phó Tổng Giám đốc (phụ trách đầu tư) |

- (3) Ông Phạm Khánh Linh Giám đốc Phát triển Kinh doanh (phụ trách huy động vốn)  
 (4) Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh Giám đốc Tài chính (phụ trách tài chính, kế toán và thanh toán)

**Thông tin chi tiết về các thành viên Ban điều hành Công ty quản lý quỹ VFM**

**(1) Ông Trần Thanh Tân - Tổng Giám Đốc**

Ông Trần Thanh Tân nhận bằng MBA của Trường Đại học Tự Do Brusselle (Bi). Ông Tân đã có kinh nghiệm làm việc hơn 15 năm trong lĩnh vực đầu tư, chứng khoán, cổ phần hóa và thị trường vốn tại Việt Nam. Năm 1994, ông là một trong những người đứng ra thành lập công ty Dragon Capital Group và giữ chức vụ Giám đốc phụ trách đầu tư và thị trường vốn, trong quá trình đó ông đã tham gia vào nhiều thương vụ đầu tư thành công của công ty Dragon Capital tại Việt Nam như: Phát hành thành công 5 triệu USD trái phiếu chuyển đổi cho công ty cổ phần REE, tư vấn hoàn tất chương trình cổ phần hóa cho gần 20 doanh nghiệp tại Việt Nam như: Công ty CP Hiệp An, Công ty CP Thức ăn Gia súc (Vifoco), Công ty CP Đồ Hộp Hạ Long, Công ty CP Lafooco, Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu, Công ty CP Chất Đốt Thành phố, Công ty CP Thủy Sản số 4 và nhiều doanh nghiệp cổ phần hóa của nhà nước và tư nhân khác. Ngoài ra, ông Tân còn giữ nhiều vị trí quản trị cao cấp tại một số công ty cổ phần này.

Ông Trần Thanh Tân được Công ty Dragon Capital cử sang làm Tổng Giám Đốc Công ty VFM.

**(2) Bà Đỗ Sông Hồng - Phó Tổng Giám Đốc**

Bà Đỗ Sông Hồng tốt nghiệp Cao học về Tài chính tại trường Đại học Golden Gate, San Francisco, California (Hoa Kỳ) vào năm 2000. Bà Đỗ Sông Hồng đã từng tham gia làm việc tại Ngân hàng Sacombank từ năm 2000 đến nay. Trong thời gian làm việc tại Sacombank, bà Hồng từng phụ trách các chức vụ cao cấp tại các phòng ban khác nhau của hệ thống ngân hàng. Bà Hồng còn có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động về tài chính, đầu tư, cổ phần hóa và thị trường vốn tại Việt Nam.

Bà Đỗ Sông Hồng được ngân hàng Sacombank chính thức cử sang làm Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Đầu tư của Công ty VFM.

**(3) Ông Phạm Khánh Linh - Giám Đốc Phát Triển Kinh Doanh**

Ông Phạm Khánh Linh tốt nghiệp Cao học Tài chính - Kế toán của Trường Đại học Swinburne (Úc). Ông nguyên là Giám đốc Giao dịch và Phát triển thị trường tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Á Châu (ACBS) và có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và đầu tư chứng khoán.

Ông Linh tham gia vào Công ty VFM với tư cách là Giám đốc Phát triển Kinh doanh vào năm 2003 và chịu trách nhiệm chính trong việc huy động vốn cho Quỹ đầu tư VF1 với tổng vốn 300 tỷ đồng. Ngoài ra, ông đang triển khai xây dựng, phát triển các sản phẩm tài chính mới, và tham gia sắp xếp nhiều thương vụ đầu tư của Công ty VFM.

**(4) Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh - Giám đốc Tài chính**

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính - Kế toán tại trường Đại học Tài chính Kế toán Tp. HCM năm 1993 và tốt nghiệp chuyên ngành Luật tại trường Đại học Luật Tp. HCM năm 2002 cùng với nhiều khóa đào tạo chuyên sâu về tài chính, kiểm toán tại Vương quốc Anh và Bộ Tài chính. Ông được Bộ Tài chính cấp bằng Kiểm toán viên Độc lập (CPA) năm 1999 và đang hoàn tất giai đoạn cuối chứng chỉ ACCA của Vương quốc Anh. Với hơn 12 năm kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, ông đã từng trải qua các chức vụ quan trọng khác nhau như Giám đốc Tài chính, Kiểm toán viên tại các công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam .

Với vai trò là Giám đốc Tài chính tại Công ty VFM, ông Khánh đảm nhiệm việc xây dựng và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và các chính sách tài chính lành mạnh trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực và các quy định pháp luật có liên quan nhằm đảm bảo tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính, cung cấp thông tin đáng tin cậy phục vụ cho việc đề ra các quyết định của người đầu tư.

*c. Ngân hàng giám sát*

Ngân hàng giám sát của Quỹ đầu tư VF1 là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank). Vai trò của ngân hàng giám sát là bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đầu tư VF1; thực hiện việc định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1; giám sát hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 và Công ty quản lý quỹ VFM theo giấy phép số 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2005.

*d. Công ty kiểm toán*

Công ty kiểm toán của Quỹ đầu tư VF1 là Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư VF1 và hoạt động quản lý của công ty VFM để bảo đảm tính chính xác các số liệu báo cáo cho người đầu tư.

*e. Công ty tư vấn luật*

Nhằm đảm bảo cho hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 theo đúng các quy định của UBCKNN và luật pháp, đồng thời giám sát, quản lý chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro và bảo vệ lợi ích của người đầu tư, các hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 sẽ được công ty Luật Vilaf – Hồng Đức tư vấn. Đây là một trong các công ty luật chuyên về thương mại đầu tiên của Việt Nam được đánh giá cao trong lĩnh vực ngân hàng và tư vấn những thương vụ tài chính lớn.

#### **1.4 Cơ cấu nhà đầu tư hiện tại**

Theo danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 do TTGDCK Tp. HCM cung cấp vào thời điểm gần nhất là ngày 17/03/2006, Quỹ đầu tư VF1 hiện có 1.714 nhà đầu tư, trong đó:

- Phân loại theo trong nước và nước ngoài:
  - 1.662 nhà đầu tư trong nước, chiếm 60,08% vốn góp
  - 52 nhà đầu tư nước ngoài, chiếm 39,92% vốn góp
- Phân loại theo cá nhân và tổ chức:
  - 1.682 nhà đầu tư cá nhân, chiếm 40,77% vốn góp
  - 32 nhà đầu tư tổ chức, chiếm 59,23% vốn góp

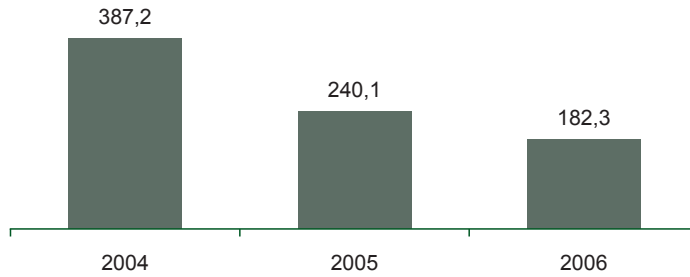
## **2. Hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư VF1 từ ngày 20/05/2004 đến ngày 19/05/2006**

### **2.1 Tình hình giải ngân vốn**

*a. Quy mô giải ngân lớn:*

Qua 2 năm hoạt động Quỹ đầu tư VF1 đã giải ngân nguồn vốn tổng cộng 809,6 tỷ đồng, gấp 2,7 lần so với tổng nguồn vốn huy động ban đầu. Trong đó phân bổ nguồn vốn giải ngân như sau:

**Vốn giải ngân theo thời gian**



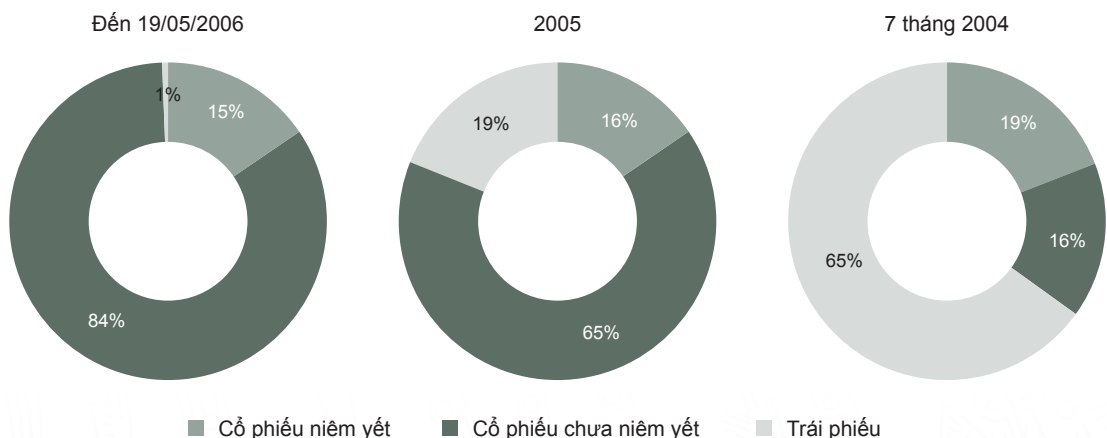
b. Cơ cấu giải ngân có sự dịch chuyển mạnh:

**Tăng tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết:** Theo đúng định hướng đầu tư ban đầu, Quỹ đầu tư VF1 đã tập trung đẩy mạnh giải ngân vào các dự án cổ phần hóa và các công ty chưa niêm yết có hoạt động tốt, khả năng tăng trưởng mạnh và sẽ niêm yết trong tương lai. Nếu như trong 7 tháng đầu năm 2004, vốn giải ngân vào cổ phiếu chưa niêm yết chỉ chiếm 16% trong tổng vốn giải ngân thì trong năm 2005 tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết đã lên tới 65% và trong gần 5 tháng đầu năm 2006 là 84%.

**Ổn định tỷ trọng cổ phiếu niêm yết ở mức trên dưới 20% tổng giá trị giải ngân:** Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được duy trì ở mức trên dưới 20% tổng giá trị giải ngân với một danh mục cổ phiếu chọn lọc tốt và hiệu quả.

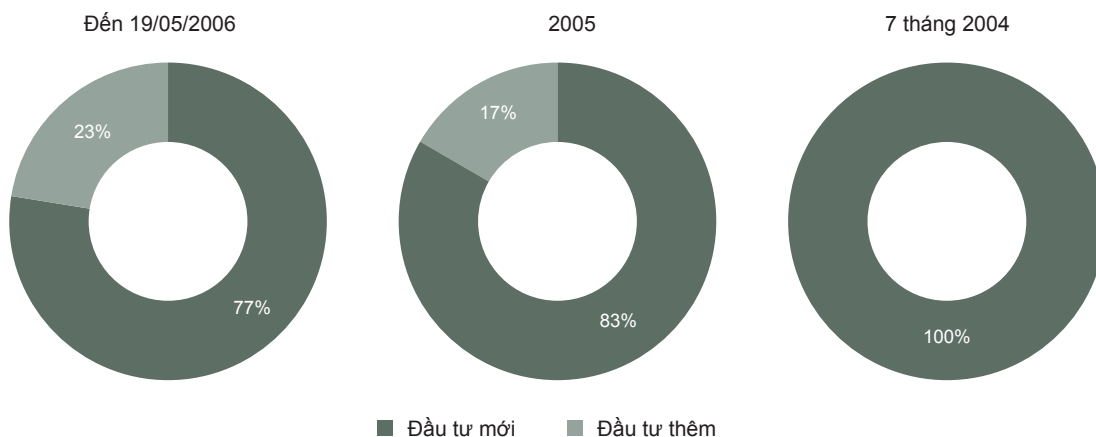
**Giảm tỷ trọng trái phiếu:** Năm bắt được xu hướng thị trường cổ phiếu đang có tốc độ tăng trưởng cao, Quỹ đầu tư VF1 đã chủ động thay đổi tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu theo hướng giảm dần để chuyển hướng đầu tư vào cổ phiếu với hiệu quả cao hơn nhưng vẫn đảm bảo một tỷ lệ hợp lý trong cơ cấu tổng đầu tư nhằm đảm bảo tính ổn định và độ an toàn cao cho danh mục.

**Vốn giải ngân theo loại hình chứng khoán**



**Tăng tỷ trọng các dự án đầu tư mới:** Năm 2005, số vốn giải ngân vào các dự án đầu tư mới chiếm đến 83% tổng vốn giải ngân trong năm, nâng tổng số dự án Quỹ đầu tư VF1 đã đầu tư từ 21 công ty trong 7 tháng năm 2004 lên 40 công ty trong năm 2005. Trong gần 5 tháng đầu năm 2006, Quỹ đầu tư VF1 đã đầu tư thêm vào 12 dự án mới nâng tổng số dự án đã đầu tư lên 52 công ty. Như vậy đến ngày 19/05/2006, tỷ trọng vốn giải ngân vào các dự án mới chiếm 77% trong tổng vốn đã giải ngân.

Vốn giải ngân theo loại hình đầu tư

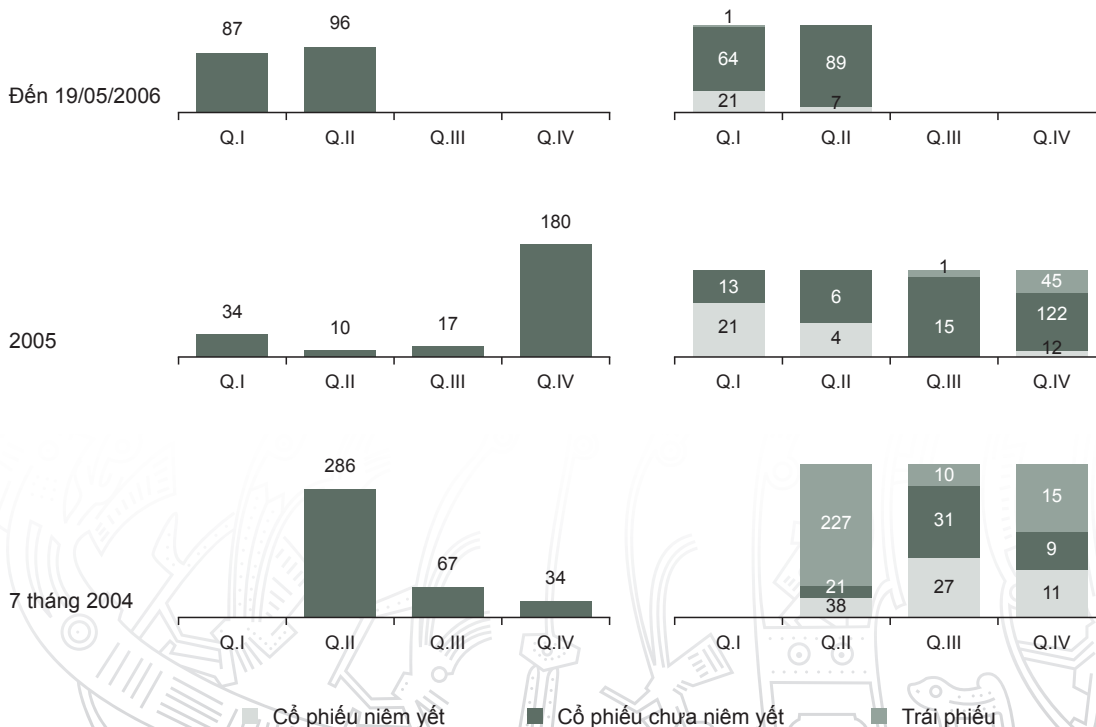


c. Tiến độ giải ngân:

Trong năm 2005, hầu hết các dự án đầu tư cổ phần hóa lớn đều tập trung vào Quý IV của năm như Công ty CP Sông Đà 10, Công ty CP Cao su Hòa Bình (Horuco), Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến, Công ty CP Nhựa Bình Minh, Công ty CP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (Ralaco), Công ty CP Dịch vụ hàng không Sân bay Nội (Nasco), Công ty CP Vận tải xăng dầu Vitaco, Công ty CP Khoan và Dịch vụ dầu khí (PV Drilling), ... Năm bắt cơ hội này, Quỹ đầu tư VF1 đã xây dựng kế hoạch từ đầu năm nhằm chủ động lựa chọn cơ hội tăng cường đầu tư vào các dự án tốt, khả năng tăng trưởng mạnh trong tương lai, đặc biệt là các đơn vị có khả năng niêm yết trong năm 2006.

Vốn giải ngân theo quý

Cơ cấu vốn giải ngân theo quý



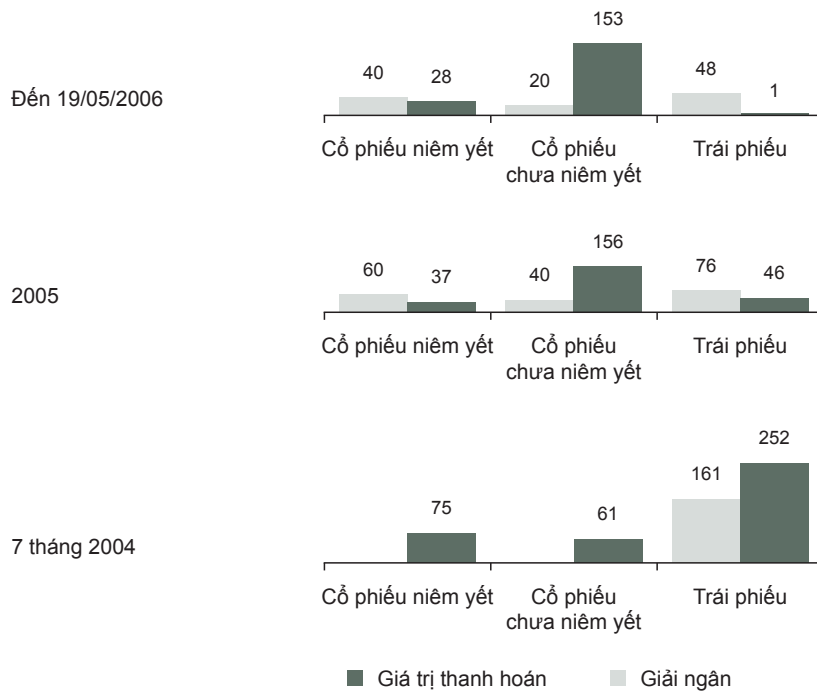
Bước sang năm 2006, một loạt các dự án tiềm năng với quy mô lớn đang được các nhà đầu tư trong và ngoài nước mong đợi như cổ phần hóa các ngân hàng quốc doanh, các công ty viễn thông, ... Đây cũng là mục tiêu mà Quỹ đầu tư VF1 đã, đang và sẽ nhắm tới nhằm xây dựng một danh mục đầu tư ổn định, cân bằng và hiệu quả.

**2.2 Tình hình thanh toán các khoản đầu tư**

*a. Quy mô thanh toán:*

Song song với việc tăng cường công tác đầu tư, tìm kiếm các dự án mới có hiệu quả, trong 2 năm hoạt động vừa qua Quỹ đầu tư VF1 cũng đã thực hiện thanh toán 346 tỷ đồng giá trị các khoản đã đầu tư nhằm tạo ra lợi nhuận và chuyển đổi cơ cấu đầu tư theo hướng đa dạng và phù hợp hơn với diễn biến thị trường.

**Cơ cấu giải ngân và thanh toán**



*b. Lợi nhuận:*

Lợi nhuận thực thu từ việc thanh toán các khoản đầu tư nói trên là 78,5 tỷ đồng, trong đó năm 2005 là 25,4 tỷ đồng và trong gần 5 tháng đầu năm 2006 là 53,1 tỷ đồng, đóng góp một phần đáng kể trong việc đảm bảo một tỷ lệ cổ tức hợp lý cho nhà đầu tư trong năm 2005 là 10% và một mức cổ tức tương đương trong năm 2006.

**2.3 Kết quả hoạt động**

*a. Lợi nhuận:*

- Trong năm 2005, Quỹ đầu tư VF1 đạt lợi nhuận ròng 84,3 tỷ đồng, tăng gấp 17,9 lần so với 7 tháng năm 2004. Tỷ suất lợi nhuận thuần trên tổng tài sản bình quân đạt 24,3%.
- Chỉ trong 5 tháng đầu năm 2006, Quỹ đầu tư VF1 đã đạt mức lợi nhuận ròng 347,2 tỷ đồng, tương đương 4,1 lần tổng lợi nhuận ròng của cả năm 2005, trong đó lợi nhuận thực hiện ròng là 56,8 tỷ đồng.



Đơn vị: VND'000

	Đến 19/05/2006	2005	7 tháng 2004
<b>A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN</b>			
<b>I. Thu nhập hoạt động đầu tư đã thực hiện</b>	<b>61.249.790</b>	<b>44.553.886</b>	<b>12.722.568</b>
1. Cổ tức được nhận	7.614.637	7.925.806	2.260.647
2. Lãi trái phiếu được nhận		5.119.003	7.195.254
3. Lãi tiền gửi	570.803	6.121.942	3.250.540
4. Thu nhập bán chứng khoán	53.064.350	25.387.135	16.127
<b>II. Chi phí</b>	<b>(4.836.231)</b>	<b>(13.938.186)</b>	<b>(4.589.419)</b>
1. Chi phí quản lý quỹ và thường hoạt động	(4.162.965)	(12.540.317)	(3.721.217)
2. Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ	(249.778)	(396.804)	(223.273)
3. Chi phí hội họp, đại hội	(84.143)	(12.710)	(54.644)
4. Chi phí kiểm toán	-	(141.138)	(156.182)
5. Chi phí hoạt động khác	(339.345)	(847.217)	(434.103)
<b>III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm</b>	<b>56.413.559</b>	<b>30.615.700</b>	<b>8.133.149</b>
<b>B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN</b>			
<b>I. Thu nhập</b>	<b>290.831.526</b>	<b>53.701.532</b>	-
1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	290.831.526	52.761.235	-
2. Cổ tức chưa thực hiện		940.297	-
<b>II. Chi phí</b>	-	-	(3.396.590)
1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	-	-	(3.396.590)
<b>III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong năm</b>	<b>290.831.526</b>	<b>53.701.532</b>	<b>4.736.559</b>
<b>LỢI NHUẬN TRONG NĂM</b>	<b>347.245.085</b>	<b>84.317.232</b>	<b>4.736.559</b>

b. Giá trị tài sản ròng (NAV):

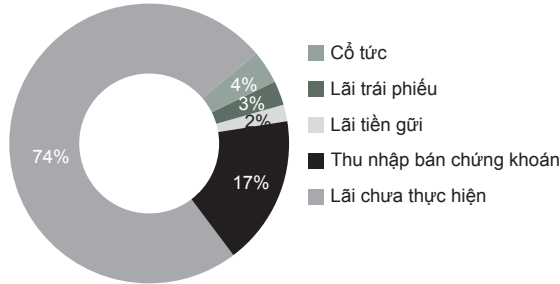
Tại thời điểm 19/05/2006, Quỹ đầu tư VF1 đã đạt mức tăng trưởng NAV 83,8% so với cuối năm 2005. Tăng trưởng NAV lũy kế trong 2 năm hoạt động của Quỹ đạt 133,8%.

	@19/05/2006	@31/12/2005	@31/12/2004
Quy mô quỹ (tỷ đồng)	701,8	381,6	304,7
NAV/đvq (đồng)	23.393	12.718	10.158

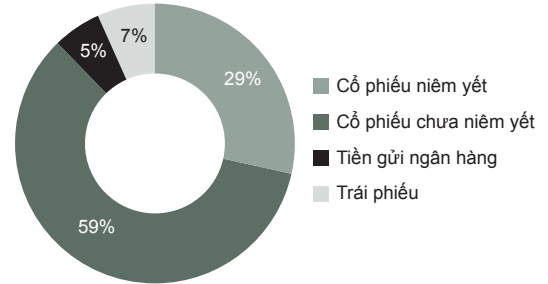
c. Cơ cấu thu nhập:

Qua 2 năm hoạt động, Quỹ đầu tư VF1 đạt tổng thu nhập lũy kế 436,2 tỷ đồng. Cơ cấu thu nhập như sau:

**Cơ cấu thu nhập từ hoạt động đầu tư**

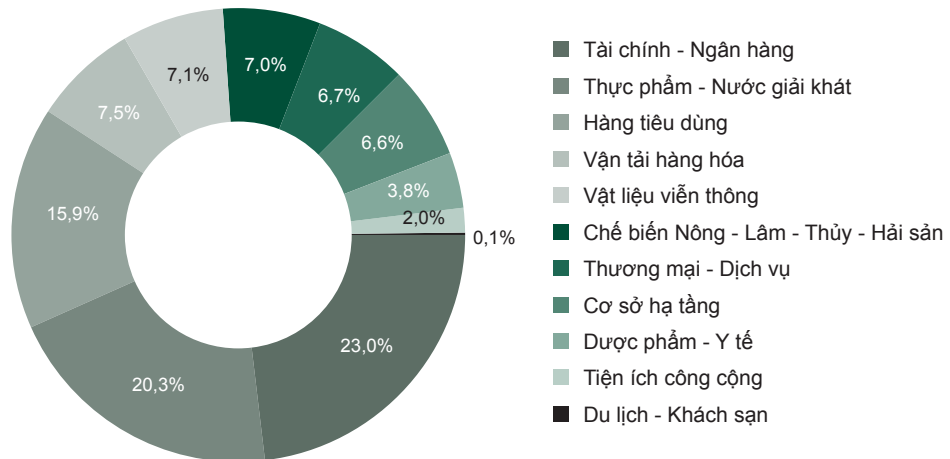


**Cơ cấu thu nhập theo loại hình đầu tư**



**Thu nhập từ đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng thu nhập:** Tương ứng với sự chuyển dịch trong cơ cấu đầu tư của Quỹ đầu tư VF1, thu nhập từ các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết chiếm vai trò chủ đạo, đóng góp 60% trong tổng thu nhập.

**Cơ cấu thu nhập theo ngành nghề đầu tư**



**5 nhóm ngành chủ đạo trong cơ cấu đầu tư chiếm đến 79,2% tổng thu nhập:** Đó là các ngành:

- Tài chính-Ngân hàng
- Thực phẩm-Nước giải khát
- Hàng tiêu dùng
- Vận tải hàng hóa
- Vật liệu viễn thông

Điểm nổi bật là tuy chiếm tỷ trọng thu nhập cao nhưng vốn đầu tư vào 5 ngành nói trên chỉ chiếm 55,1% trong tổng vốn đầu tư của Quỹ.

**Thu nhập từ nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu nhập:** Sự tăng trưởng đột biến về giá cổ phiếu ngân hàng trong thời gian vừa qua đã giúp cho nhóm ngành Tài chính-Ngân hàng đã vươn lên giữ vị trí hàng đầu về đóng góp vào thu nhập của danh mục đầu tư với 23%, với vốn đầu tư chiếm 20,2% tổng giá trị đầu tư của danh mục.

**Thu nhập từ nhóm ngành Thực phẩm-Nước giải khát chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong tổng thu nhập:** Tuy chỉ chiếm 10,9% giá trị đầu tư trong danh mục nhưng nhóm ngành Thực phẩm - Nước giải khát đã đóng góp đến 25,7% trong cơ cấu tổng thu nhập. Một số khoản đầu tư tiêu biểu của VF1 trong nhóm ngành này là Vinamilk, Kinh Đô, Cà phê Biên Hòa, Dầu ăn Tường An và Bibica, đã thanh toán hết trong năm 2005 với lợi nhuận thực hiện đạt 34,3% trên vốn đầu tư.

## IV. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN QUỸ ĐẦU TƯ VF1

### 1. Các luận cứ cho việc tăng vốn Quỹ đầu tư VF1

#### 1.1 Cơ sở pháp lý

Việc tăng vốn của quỹ đầu tư và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh chủ yếu của:

- Nghị định số 144-2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của chính phủ về chứng khoán và TTCK (Khoản 2, Điều 9).
- Quyết định số 73/2004/QĐ-BTC ngày 3 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ.
- Quyết định số 30 /2006/QĐ-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2006 về việc bổ sung quy chế và hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 73/2004/QĐ-BTC ngày 3 tháng 9 năm 2003.
- Điều lệ của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam đã được Đại hội Người đầu tư thông qua ngày 08/04/2005 về việc phát hành thêm chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 (Điều 43).
- Nghị quyết Đại hội Người đầu tư thường niên 2005 của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1) về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VF1.
- Biên bản thông qua các sửa đổi, bổ sung Nghị quyết Đại hội Người đầu tư Thường niên 2005 của Quỹ đầu tư VF1 (đã được thông qua vào ngày 28/02/2006) chấp thuận việc phát hành toàn bộ chứng chỉ quỹ cho người đầu tư hiện hữu nhằm tuân thủ các điều kiện tăng vốn của quỹ công chứng theo Quyết định số 30/2006/QĐ-BTC ngày 12/05/2006 của Bộ Tài chính. Các sửa đổi, bổ sung được thông qua theo hình thức lấy ý kiến người đầu tư bằng văn bản từ ngày 12/06/2006 tới ngày 19/06/2006 với kết quả đồng ý thông qua là 71,03% tổng số vốn điều lệ có quyền biểu quyết.
- Và các văn bản có liên quan khác.

#### 1.2 Cơ sở thực tiễn

Trong thời gian qua các quỹ đầu tư dạng đóng của nước ngoài hoạt động tại Việt Nam do nhu cầu đầu tư đã thực hiện việc tăng vốn, điển hình là:

- Quỹ PXP tăng từ 5 triệu USD lên 20 triệu USD,
- Quỹ Vietnam Opportunities Fund (VOF) tăng từ 16 triệu USD lên 95 triệu USD,
- Quỹ Vietnam Enterprise Investments Limited (VEIL) tăng từ 16 triệu USD lên 109 triệu USD,
- Quỹ Vietnam Growth Fund (VGF) tăng từ 60 triệu USD lên 100 triệu USD.

Vì thế, về mặt thực tiễn việc tăng vốn của các quỹ đầu tư dạng đóng đã được thực hiện khá phổ biến tại Việt Nam trong thời gian qua.

### 2. Cơ hội thị trường:

#### 2.1 Triển vọng nền kinh tế Việt Nam

Năm 2005 là năm đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế Việt Nam: GDP tăng 8,4%; kim ngạch xuất khẩu đạt 32,2 tỷ USD, tăng 21,6% so với năm 2004; đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) đạt 5,7 tỷ USD, tăng 42,5% so với năm trước, chủ yếu tập trung trong lĩnh vực công nghiệp & dịch vụ. Các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2005 và kế hoạch 5 năm 2001-2005 về cơ bản đã hoàn thành, góp phần ổn định tình hình dân cư, tăng sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường trong nước và xuất khẩu để chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, nhất là việc tham gia vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Bước sang năm 2006, triển vọng phát triển cũng rất khả quan khi trong tháng 01/2006, kinh tế Việt Nam đã đạt được những chỉ số rất đáng khích lệ:

- Đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt 444 triệu USD;
- Trị giá xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 2,8 tỷ USD, tăng 16% so với tháng 1/2005, trong đó khu vực kinh tế trong nước xuất khẩu 1,2 tỷ USD; xuất khẩu dầu thô 640 triệu USD, tăng 13,7%;
- Khách quốc tế đến Việt Nam ước tính đạt 349 nghìn lượt người, tăng 15,9% so với tháng 1/2005.

## 2.2 Dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2006:

- Luật Đầu tư nước ngoài và Luật Doanh nghiệp vừa được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ 1/7/2006 sẽ tạo một mặt bằng pháp lý chung cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Các quy định của 2 luật mới này đã minh bạch hơn và tạo thêm thông thoáng cho các nhà đầu tư nước ngoài cả về mặt gia nhập thị trường, thủ tục đầu tư, hình thức đầu tư và ưu đãi đầu tư, xử lý tranh chấp,...
- Tiến trình hội nhập sâu vào nền kinh tế khu vực và thế giới sẽ tác động trực tiếp tới hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Cùng với việc hoàn tất đàm phán gia nhập WTO với chính phủ Hoa Kỳ, việc thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Hiệp định tự do hóa và xúc tiến đầu tư với Nhật Bản và các Hiệp định song và đa phương khác sẽ thúc đẩy quá trình hoàn thiện luật pháp chính sách của nước ta để đáp ứng yêu cầu hội nhập. Quá trình này sẽ đòi hỏi phải mở cửa thị trường dịch vụ theo lộ trình cam kết.
- Xu hướng tăng mạnh từ các cam kết đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2005. Môi trường kinh doanh được cải thiện dự báo sẽ thúc đẩy đầu tư tăng lên khoảng 14% vào năm 2006. Theo giá hiện hành, tỷ lệ đầu tư/GDP ước đạt trên 37% vào năm 2006.
- Kinh tế tăng trưởng nhanh, môi trường đầu tư được cải thiện, uy tín của nước ta đối với các nhà đầu tư được nâng cao, kinh nghiệm có được trong vận động xúc tiến đầu tư theo hình thức mới, cũng như sự kinh doanh có hiệu quả của nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thời gian qua sẽ tạo đà cho sự gia tăng dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Vốn cấp mới trong năm 2006 có thể đạt hoặc vượt mức năm 2005, đặc biệt vốn thực hiện sẽ tăng với tốc độ cao hơn mức tăng của năm trước, hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục tăng trưởng cao cả về doanh thu, xuất khẩu và đóng góp cho ngân sách.
- Việc ban hành quy chế khuyến khích tư nhân đầu tư nâng cấp các công trình giao thông, cảng biển, dịch vụ viễn thông, cung cấp điện nước, phấn đấu không để xảy ra tình trạng thiếu điện cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

## 2.3 Những cơ hội đầu tư:

### □ Cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên TTCK:

Với Quyết Định số 898/QĐ-BTC ngày 20/02/2006 của Bộ Tài Chính về kế hoạch phát triển TTCK năm 2006-2010, theo đó hoàn tất triển khai Luật chứng khoán trong năm 2006 và sớm đẩy nhanh việc chuyển đổi TTGDCK thành Sở Giao Dịch chứng khoán đã thể hiện sự quyết tâm của Đảng và Chính phủ trong việc thúc đẩy phát triển TTCK Việt Nam hướng tới hòa nhập vào thị trường tài chính trong các nước trong khu vực và Thế giới.

Đến 31/12/2005, tổng giá trị vốn hóa niêm yết trên TTCK đạt 46.574 tỷ đồng bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu. Có 33 công ty niêm yết tại TTGDCK Tp.HCM và 09 công ty đăng ký giao dịch tại TTGDCK Hà Nội với tổng vốn hóa thị trường đạt 9.638,8 tỷ đồng chiếm 20,7% và trái phiếu niêm yết đạt 36.935,2 tỷ đồng chiếm 79,3%.

Trong năm 2006, TTCK chào đón sự niêm yết của các công ty lớn như Công ty CP sữa Việt Nam (vốn hóa: 10.176 tỷ đồng), Công ty CP dây và cáp điện Taya (126 tỷ đồng); Ngân hàng Sacombank (12.100

tỷ đồng); cùng nhiều công ty cổ phần khác nằm trong danh mục Nghị định 528 của Chính phủ phải bán bớt phần vốn Nhà nước, niêm yết và đăng ký giao dịch tại TTGDCK với quy mô vốn ước khoảng trên 10.000 tỷ đồng.

□ **Cơ hội đầu tư từ chương trình cổ phần hóa:**

**Cổ phần hóa các DNNN:** Đây là chủ trương nhất quán của Chính phủ Việt Nam trong việc nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh trong khu vực kinh tế Quốc doanh hòa nhập vào kinh tế khu vực và Thế giới. Theo số liệu thống kê cho đến nay cả nước đã tiến hành CPH được 2.935 DNNN với tổng quy mô vốn đạt khoảng 30.000 tỷ đồng, chiếm 10% vốn Nhà nước được CPH. Như vậy, theo lộ trình từ năm 2006 đến năm 2010, sẽ tiếp tục cổ phần hóa khoảng 1.700 DNNN với quy mô vốn đạt khoảng 270.000 tỷ đồng. Trong đó bao gồm các Doanh nghiệp có quy mô vốn rất lớn như: Công ty Thông tin di động (VMS – Mobile phone); Công ty Dịch vụ Viễn thông Việt Nam (Vinaphone); Công ty Viễn Thông Quân đội; Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV); Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)...

**Cổ phần hóa các DN tư nhân:** Thành phần kinh tế tư nhân được xem là nhân tố quan trọng góp phần tích cực phát triển nền kinh tế. Theo số liệu thống kê, cuối năm 2005, cả nước có trên 175.230 DN tư nhân với vốn đăng ký khoảng 323.200 tỷ đồng. Hiện nay, ngày càng nhiều DN tư nhân nhận thức rõ về việc cần nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực sản xuất và quản lý để có thể đáp ứng nhu cầu tăng trưởng, do vậy nhiều DN tư nhân đã mạnh dạn trong việc chuyển đổi sang hình thức cổ phần huy động vốn góp từ các nguồn lực tài chính, trình độ quản lý chuyên nghiệp... Các công ty điển hình như Công ty Hoàng Anh Gia Lai (quy mô vốn: khoảng 500 tỷ đồng); Công ty Thiên Long (quy mô vốn: 120 tỷ đồng); Công ty Dầu nhớt & Hóa chất Việt Nam -Vilube (quy mô vốn:30 tỷ đồng); Bệnh viện Hoàn Mỹ (quy mô vốn: 300 tỷ đồng); Công ty Ngô Hàn (quy mô vốn: 128 tỷ đồng); Công ty Nhựa Đại Đồng Tiến (quy mô vốn: 100 tỷ đồng).

**Cổ phần hóa từ các DN có vốn đầu tư nước ngoài:** Với Nghị định 38 của Thủ tướng Chính phủ ban hành đã tạo ra nhân tố tích cực cho việc chuyển đổi các DN có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hình thức cổ phần và gắn với niêm yết cổ phiếu trên TTCK. Đây được xem là nhân tố góp phần làm phong phú khối lượng hàng hóa niêm yết có chất lượng cao trên TTCK. Theo dự kiến, có khoảng 20 DN có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện việc chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và trong giai đoạn 1 sẽ triển khai cho niêm yết một số đơn vị với quy mô vốn của mỗi doanh nghiệp ước khoảng 10 triệu USD. Các công ty điển hình như: Công ty Interfoods; Công ty TNHH Công nghiệp Tung Kuang; Công ty Full Power; Công ty Gạch men Chang Yih.

Rõ ràng với những quyết tâm thực hiện của Chính phủ trong việc thúc đẩy nhanh lộ trình cổ phần hóa các doanh nghiệp đồng thời hoàn chỉnh hệ thống luật chứng khoán đã góp phần thúc đẩy một TTCK hứa hẹn mạnh mẽ hơn, chuyên nghiệp hơn, góp phần đẩy nhanh việc hòa nhập vào thị trường tài chính chung trong khu vực và thế giới.

### 3. Nhu cầu vốn

Đứng trước những cơ hội đầu tư rất rõ ràng trong khi nguồn vốn còn lại để thực hiện đầu tư còn rất hạn chế, tổng cộng trái phiếu và các tài sản khác vào thời điểm 19/05/2006 sau khi trừ cổ tức 2005 sẽ chia cho nhà đầu tư chỉ còn khoảng 0,9% NAV Quỹ đầu tư VF1. Trong khi đó, các khoản đầu tư chưa đến thời điểm thích hợp để thanh toán. Do vậy, việc tăng vốn điều lệ của quỹ VF1 vào thời điểm hiện nay là rất phù hợp.

Tổng nhu cầu vốn dự kiến huy động thêm để tăng vốn điều lệ cho quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng chẵn).

**4. Phương án sử dụng vốn**

**4.1 Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu quan trọng nhất mà Quỹ đầu tư VF1 nhắm đến là xây dựng được một danh mục đầu tư cân đối và đa dạng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa các rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ. Số vốn tăng thêm từ việc huy động này sẽ được sử dụng để tăng cường đầu tư vào các dự án tốt, có khả năng tăng trưởng mạnh trong tương lai, đặc biệt là các đơn vị có dự kiến niêm yết trong năm 2006 – 2007.

Song song với quá trình đầu tư, Quỹ đầu tư VF1 còn hỗ trợ các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh... nhằm làm gia tăng giá trị của chính các công ty này và vì thế gia tăng về mặt giá trị các khoản đầu tư của Quỹ.

**4.2 Chính sách đầu tư**

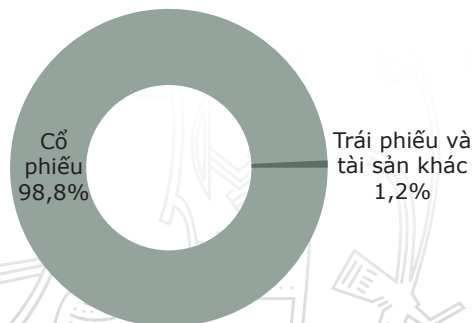
□ **Cơ cấu tài sản**

Quỹ đầu tư VF1 là loại hình quỹ đầu tư chứng khoán cho nên phần lớn các thương vụ đầu tư sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên TTCK Việt Nam. Cơ cấu đầu tư sẽ được phân bổ như sau: khoảng 95% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết, phần còn lại sẽ được đầu tư vào các loại tài sản khác như các công cụ của thị trường tiền tệ, tiền mặt dự trữ. Riêng đối với bất động sản, Quỹ đầu tư VF1 không đầu tư quá 10% tổng tài sản của Quỹ đầu tư VF1 vào lĩnh vực này.

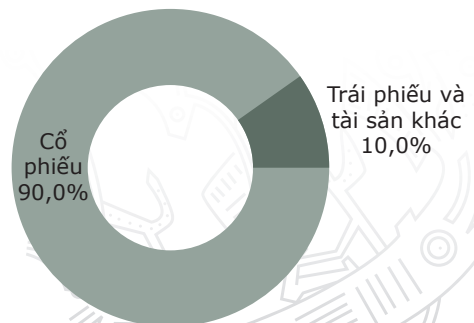
Số tiền thu được từ đợt tăng vốn này dự kiến tối thiểu là 200 tỷ đồng, nâng tổng giá trị tài sản của Quỹ VF1 lên 901,5 tỷ đồng. Cơ cấu đầu tư chi tiết cho tổng vốn huy động của quỹ VF1 được dự kiến phân bổ như sau:

	Cơ cấu tài sản vào ngày 19/05/2006		Cơ cấu tài sản dự kiến		
	Tỷ lệ (%)	Quy mô đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Quy mô đầu tư (tỷ đồng)	Số vốn giải ngân thêm (tỷ đồng)
Cổ phiếu	98,8%	693,1	90,0%	811,4	118,3
Trái phiếu và tài sản khác	1,2%	8,4	10,0%	90,1	81,8
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,0%</b>	<b>701,5</b>	<b>100,0%</b>	<b>901,5</b>	<b>200,0</b>

**Cơ cấu tài sản Quỹ đầu tư VF1 hiện nay**



**Cơ cấu tài sản đề nghị**



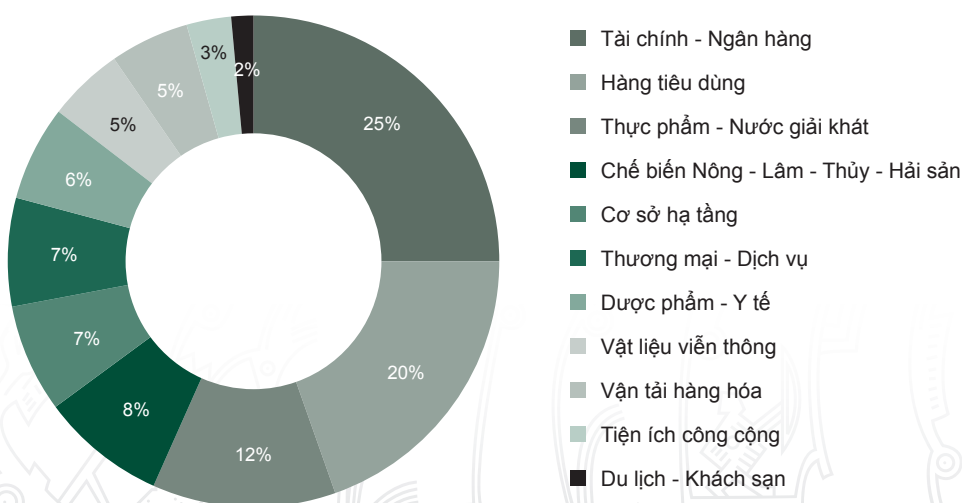
- Trái phiếu: Các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu địa phương và trái phiếu công trình có lãi suất cao, rủi ro thấp. Danh mục trái phiếu phải vừa phục vụ cho mục đích cân bằng danh mục đầu tư nhưng cũng đảm bảo tính linh hoạt nhằm nắm bắt những cơ hội đầu tư.
- Cổ phiếu: Các cổ phiếu đang và sẽ niêm yết trên TTCK Việt Nam, tập trung hơn với các loại cổ phiếu chưa niêm yết. Quỹ đầu tư VF1 chú trọng vào các công ty cổ phần hóa có vốn lớn, hoạt động hiệu quả và có chủ trương niêm yết rõ ràng thông qua các cơ hội CPH trong năm 2006 như: cổ phiếu ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Đầu tư và Phát triển, ngân hàng Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long, bảo hiểm Bảo Việt, viễn thông như Mobifone, Vinafone...
- Tài sản khác: tiền mặt, các công cụ tiền tệ ngắn hạn nhằm tạo sự linh hoạt, nắm bắt cơ hội thị trường.

□ **Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư**

Trong tổng số vốn đầu tư vào cổ phiếu, Quỹ đầu tư VF1 sẽ tập trung đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng cao.

- Tài chính ngân hàng;
- Dược phẩm – y tế và giáo dục;
- Hàng tiêu dùng;
- Thực phẩm – nước giải khát;
- Chế biến nông lâm thủy hải sản;
- Du lịch và khách sạn;
- Vận tải hàng hóa;
- Cơ sở hạ tầng và tiện ích công cộng;
- Vật liệu viễn thông;
- Thương mại – dịch vụ.

**Cơ cấu ngành nghề đầu tư dự kiến của VF1**



Tuy nhiên, tùy theo chiến lược đầu tư trong từng giai đoạn, cơ cấu cũng như loại hình ngành nghề có thể có thay đổi nhằm đạt được mức tăng trưởng cao cho danh mục đầu tư.

Ngoài việc tăng thêm quy mô nhằm đảm bảo tỷ lệ đầu tư vào ngành chủ lực như hàng tiêu dùng, thực phẩm – nước giải khát, tài chính – ngân hàng, Quỹ đầu tư VF1 sẽ chủ động giảm tỷ lệ đầu tư vào các ngành có tốc độ tăng trưởng thấp và tái đầu tư vào các ngành có tiềm năng phát triển cao hơn như giáo dục - dược phẩm – y tế, du lịch – khách sạn, thương mại – dịch vụ...

Ngành nghề đầu tư	Cơ cấu danh mục cổ phiếu vào ngày 19/05/2006		Cơ cấu danh mục cổ phiếu dự kiến		
	Giá trị đầu tư (tỷ đ)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)	Quy mô đầu tư (tỷ đ)	Giá trị đầu tư thêm/ (thanh toán) ròng (tỷ đ)
TC-NH	173,0	25,0%	25,0%	202,8	29,9
HTD	139,1	20,1%	20,0%	162,3	23,2
TP-NGK	94,7	13,7%	12,0%	97,4	2,7
Chế biến nông lâm thủy hải sản	47,6	6,9%	8,0%	64,9	17,3
Cơ sở hạ tầng	50,8	7,3%	7,0%	56,8	6,0
TM-DV	50,7	7,3%	7,0%	56,8	6,1
Dược phẩm-Y tế	39,0	5,6%	6,0%	48,7	9,7
Vật liệu viễn thông	34,7	5,0%	5,0%	40,6	5,9
Vận tải hàng hóa	34,6	5,0%	5,0%	40,6	6,0
Tiền ịch công công	29,1	4,2%	3,0%	24,3	(4,7)
Du lịch-Khách sạn	0,0	0,0%	2,0%	16,2	16,2
<b>Tổng cộng</b>	<b>693,1</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>	<b>811,4</b>	<b>118,3</b>

## 5. Phương thức tăng vốn

Việc tăng vốn được thực hiện thông qua việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ đầu tư VF1.

Loại chứng khoán phát hành:

Chứng chỉ quỹ đầu tư

Mệnh giá:

10.000 đồng

Tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến phát hành:

20.000.000 đơn vị quỹ

Trong đó:

- Phát hành cho người đầu tư hiện hữu tham gia giai đoạn 1 của đợt tăng vốn: 12.000.000 đơn vị quỹ, tương ứng 60% tổng số chứng chỉ phát hành.



- Phát hành cho người đầu tư hiện hữu tham gia giai đoạn 2 của đợt tăng vốn: 8.000.000 đơn vị quỹ, tương ứng 40% tổng số chứng chỉ phát hành.

#### **Giá phát hành:**

- Phát hành cho người đầu tư hiện hữu tham gia giai đoạn 1 của đợt tăng vốn: Giá phát hành là 10.000 đồng/đơn vị quỹ
- Phát hành cho người đầu tư hiện hữu tham gia giai đoạn 2 của đợt tăng vốn: Giá phát hành sẽ quyết định dựa trên cơ sở tham chiếu là giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đầu tư VF1 và được xác định bằng bình quân NAV của 4 (bốn) tuần liên tục gần nhất trước ngày chốt danh sách người đầu tư có quyền mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 do TTGDCK Tp. HCM thông báo. Phí phát hành 2%/mệnh giá/đơn vị quỹ sẽ được áp dụng cho người đầu tư tham gia giai đoạn 2 của đợt tăng vốn.
- Giá phát hành cho giai đoạn 2 của đợt tăng vốn được xác định theo công thức sau:

$$G2 = \frac{NAV(-4) + NAV(-3) + NAV(-2) + NAV(-1)}{4}$$

Trong đó:

G2 là giá phát hành cho giai đoạn 2

NAV(-4), NAV(-3), NAV(-2), NAV(-1) là giá trị tài sản ròng hàng tuần của quỹ được công bố tương ứng tại thời điểm 4, 3, 2, 1 tuần trước thời điểm tuần có ngày chốt danh sách hưởng quyền.

Giá phát hành cho giai đoạn phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ dư do không được người đầu tư mua hết theo quyền mua ở giai đoạn 1 và 2 của đợt tăng vốn sau kết thúc thời hạn đóng tiền: là giá phát hành áp dụng cho giai đoạn 2 của đợt tăng vốn.

#### **Phương thức phân phối:**

- Việc phân phối chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 sẽ được thực hiện theo nguyên tắc phát hành cho người đầu tư hiện hữu của Quỹ đầu tư VF1 tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua theo thông báo của TTGDCK Tp. HCM.
- Đối với các người đầu tư hiện hữu tham gia giai đoạn 1 của đợt tăng vốn: Phân phối theo hình thức thực hiện quyền mua. Người đầu tư sở hữu 10 (mười) đơn vị quỹ tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền sẽ được quyền mua 04 (bốn) đơn vị quỹ phát hành thêm.
- Đối với các người đầu tư hiện hữu tham gia giai đoạn 2 của đợt tăng vốn: Phân phối theo hình thức thực hiện quyền mua. Người đầu tư sở hữu 15 (mười lăm) đơn vị quỹ tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền sẽ được quyền mua 04 (bốn) đơn vị quỹ phát hành thêm.

#### **Thực hiện phân phối:**

**Giai đoạn 1: Phân phối 12.000.000 đơn vị quỹ phát hành thêm cho người đầu tư hiện hữu.**

- Người đầu tư tham gia giai đoạn này sẽ được hưởng quyền mua chứng chỉ quỹ, cụ thể mỗi người đầu tư sở hữu 10 (mười) đơn vị quỹ tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền sẽ được quyền mua 04 (bốn) đơn vị quỹ phát hành thêm. Quyền mua chứng chỉ quỹ được phân phối theo danh sách người đầu tư sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 cuối cùng tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua thêm chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 do TTGDCK Tp. HCM cung cấp. Việc phân phối chứng chỉ quỹ phát hành thêm cho người đầu tư tham gia giai đoạn này của đợt tăng vốn được thực hiện theo quy trình của TTGDCK Tp. HCM quy định.

- Ngày xác định quyền mua sẽ là ngày do Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 và công ty VFM đề nghị và được TTGDCK Tp. HCM chấp thuận. Ngày xác định quyền mua sẽ được thông báo tới người đầu tư và công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Người đầu tư tham gia giai đoạn này của đợt tăng vốn sẽ được thông báo số lượng quyền mua được hưởng và được phép chuyển nhượng quyền mua chứng chỉ quỹ được hưởng trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc theo thông báo của TTGDCK Tp. HCM. Việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện tại các thành viên lưu ký tại TTGDCK và tuân thủ theo các quy định tại Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán ban hành theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Người đầu tư tham gia giai đoạn này của đợt tăng vốn sẽ tiến hành đăng ký mua và nộp tiền thanh toán cho tổng số đơn vị quỹ được quyền mua trong giai đoạn 1 của đợt tăng vốn trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày có thông báo về việc tăng vốn của Quỹ đầu tư VF1 từ TTGDCK Tp. HCM. Việc đăng ký và nộp tiền thanh toán sẽ được thực hiện tại các thành viên lưu ký tại TTGDCK Tp. HCM.
- Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 sẽ có quyết định cuối cùng trong việc xử lý số chứng chỉ quỹ không được người đầu tư hiện hữu đăng ký mua sau thời gian đăng ký, hoặc không mua sau khi kết thúc thời hạn nộp tiền thanh toán cho số chứng chỉ quỹ đã được đăng ký mua theo quyền áp dụng cho giai đoạn 1 của đợt tăng vốn.

***Giai đoạn 2: Phân phối 8.000.000 đơn vị quỹ phát hành thêm cho người đầu tư hiện hữu.***

- Người đầu tư hiện hữu được tiếp tục tham gia đăng ký quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành trong giai đoạn 2 của đợt tăng vốn đồng thời với việc đăng ký thực hiện quyền được áp dụng cho giai đoạn 1 của đợt tăng vốn.
- Người đầu tư hiện hữu không được chuyển nhượng quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành trong giai đoạn này của đợt tăng vốn.
- Thời gian đăng ký mua và nộp tiền thanh toán cho tổng số đơn vị quỹ được quyền mua trong giai đoạn 2 của đợt tăng vốn được áp dụng và thực hiện đồng thời với thời gian quy định nêu trên ở giai đoạn 1 của đợt tăng vốn. Việc đăng ký và nộp tiền thanh toán sẽ được thực hiện tại các thành viên lưu ký tại TTGDCK Tp. HCM.
- Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 sẽ có quyết định cuối cùng trong việc xử lý số chứng chỉ quỹ không được người đầu tư hiện hữu đăng ký mua sau thời gian đăng ký hoặc không mua sau khi kết thúc thời hạn nộp tiền thanh toán cho số chứng chỉ quỹ đã được đăng ký mua theo quyền áp dụng cho giai đoạn 2 của đợt tăng vốn.

***Phân phối chứng chỉ quỹ dư (nếu có):***

- Chứng chỉ quỹ dư là số chứng chỉ quỹ còn lại do không được người đầu tư mua hết theo quyền mua được hưởng ở giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của đợt tăng vốn. Số chứng chỉ quỹ dư này chỉ được xác định sau khi kết thúc thời hạn nộp tiền thanh toán quyền mua áp dụng cho giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của đợt tăng vốn. Chứng chỉ quỹ dư cũng bao gồm các chứng chỉ quỹ lẻ đã không được phân phối để đảm bảo tuân thủ quy định về mức giao dịch tối thiểu là 1 lô bằng 10 đơn vị.
- Người đầu tư hiện hữu có nguyện vọng muốn mua thêm phần chứng chỉ quỹ dư sẽ đăng ký mua bổ sung với công ty VFM với số lượng không hạn chế.
- Trong trường hợp có nhiều hơn một người đầu tư hiện hữu đăng ký mua bổ sung và số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký mua bổ sung lớn hơn số lượng chứng chỉ quỹ dư, Ban Đại Diện của Quỹ Đầu tư VF1 sẽ tiến hành phân phối số chứng chỉ quỹ dư theo tỉ lệ đăng ký của người đầu tư.

**Thời gian phân phối dự kiến:**

Trong vòng tối đa 40 ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp giấy phép phát hành.

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ tiến hành hoàn tất các thủ tục niêm yết theo quy định cho tổng số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong đợt tăng vốn này tại TTGDCK Tp. HCM ngay sau khi kết thúc đợt tăng vốn.

Tiến độ các bước công việc kể từ ngày được cấp Giấy phép phát hành như sau:

STT	Công việc	Tuần								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Công bố thông tin trên báo chí									
2	Thông báo chốt danh sách người đầu tư sở hữu cuối cùng chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 được quyền mua trong đợt tăng vốn									
3	Nhận danh sách người đầu tư sở hữu cuối cùng chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 được quyền mua trong đợt tăng vốn từ TTGDCK Tp. HCM									
4	Phân bổ và thông báo quyền mua chứng chỉ quỹ									
5	Người đầu tư hiện hữu tham gia giai đoạn 1 của đợt tăng vốn chuyển nhượng, đăng ký và nộp tiền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm									
6	Người đầu tư hiện hữu tham gia giai đoạn 2 của đợt tăng vốn đăng ký và nộp tiền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm									
7	Thành viên lưu ký báo cáo và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa của Quỹ đầu tư VF1									
8	Ban đại diện xử lý số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư không mua sau thời hạn nộp tiền thanh toán.									
9	Báo cáo kết quả phát hành									
10	Hoàn tất thủ tục niêm yết bổ sung									
11	Lưu ký và giao dịch chứng chỉ quỹ phát hành thêm									

**Địa điểm cung cấp tài liệu về đợt tăng vốn:**

- Trụ sở Công ty Liên doanh Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Nam  
Lầu 8 Tòa nhà Bitexco, 19-25 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM
- Chi nhánh Công ty Liên doanh Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Nam tại Hà Nội  
Tầng 7 Tòa nhà Sacombank, 88 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn  
180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp HCM

▪ Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ở Hà Nội  
25 Trần Bình Trọng, Thành phố Hà Nội

**Một số lưu ý trong đợt tặng vốn:**

- Giới hạn nắm giữ của người nước ngoài: Tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số chứng chỉ quỹ lưu hành theo quy định tại Quyết định 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ.
- Xử lý chứng chỉ quỹ lẻ: Đối với số chứng chỉ quỹ lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo tuân thủ quy định về mức giao dịch tối thiểu là 1 lô bằng 10 chứng chỉ, số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm mà nhà đầu tư sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn đến hàng chục và để không vượt quá số lượng phát hành, toàn bộ số chứng chỉ lẻ sẽ được làm tròn xuống.



## V. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN KHÁC

### 1. Các khoản phí, thưởng

#### 1.1 Phí đăng ký mua chứng chỉ quỹ

Người đầu tư hiện hữu không phải trả phí đăng ký mua chứng chỉ quỹ trong giai đoạn 1 của đợt tăng vốn điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được nêu trong Bản cáo bạch này.

Người đầu tư hiện hữu phải trả một lần phí đăng ký mua chứng chỉ quỹ trong giai đoạn 2 của đợt tăng vốn điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được nêu trong Bản cáo bạch này. Phí đăng ký mua là 2%/mệnh giá/đơn vị quỹ.

#### 1.2 Phí thường niên

*Phí quản lý quỹ*

Phí quản lý quỹ là 2%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1/năm và được thanh toán hàng tháng, phí này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ đầu tư VF1.

Công thức tính phí quản lý được xác định như sau:

$$2\%/12 \times \text{NAV ngày cuối tháng}$$

Trong trường hợp ngày giải ngân của số vốn mới huy động không tròn tháng thì phí quản lý sẽ được tính vào tháng kế tiếp.

*Phí lưu ký và giám sát:*

Căn cứ theo Hợp đồng giám sát tài sản Quỹ đầu tư VF1 được ký giữa Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam và Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam vào ngày 24 tháng 04 năm 2004.

**Phí giám sát**

Trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng giám sát là 0,12% của tổng giá trị tài sản ròng/năm. Cách tính phí giám sát hàng tháng tương ứng với cách tính phí quản lý.

Từ năm thứ 04 hai bên sẽ thống nhất mức phí giám sát áp dụng cho năm tiếp theo trước ngày 31/12 hàng năm

Phí giám sát được trả hàng tháng, phí này được trả cho ngân hàng giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát.

Công thức tính phí giám sát được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ \% phí giám sát (năm) / 12 tháng} \times \text{NAV ngày cuối tháng}$$

**Phí lưu ký**

Miễn phí lưu ký cổ phiếu, trái phiếu trong năm đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng giám sát.

Phí lưu ký sẽ tương ứng với mức phí theo quy định của UBCKNN hoặc TTGDCK.

Các tài sản khác sẽ thu theo chi phí thực tế phát sinh do bên thứ ba (nếu có) thu của Ngân Hàng Giám Sát cho các tài sản của VF1 lưu ký tại Ngân hàng Giám sát.

#### 1.3 Phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

- i. Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;

- ii. Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- iii. Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- iv. Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
- v. Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
- vi. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- vii. Chí phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Người đầu tư;
- viii. Chí phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Người đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công ty quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
- ix. Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành Bản cáo bạch nếu phát hành thêm chứng chỉ Quỹ;
- x. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
- xi. Các chi phí hợp lý, hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;

Tổng cộng các khoản phí đề cập ở mục b, c nêu trên không vượt quá 1%/giá trị tài sản ròng của quỹ/năm.

#### 1.4 Thường hoạt động

Công ty quản lý quỹ VFM có thể nhận được từ Quỹ đầu tư VF1, ngoài phí quản lý, một khoản thưởng khác gọi là thưởng hoạt động. Thưởng hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quỹ đầu tư trong năm tính thưởng, thưởng hoạt động phải nhỏ hơn thu nhập thực tế đó của Quỹ đầu tư.

Thưởng hoạt động chỉ được trả cho công ty VFM nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 do công ty VFM quản lý cao hơn chỉ số căn bản (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thưởng hoạt động mà công ty VFM sẽ nhận được bằng 20% của Li (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng} = V_i / V_{i-1}$$

$$\text{Chỉ số căn bản} = I + 2\%$$

$$L_i = V_i - \{V_{i-1} \times [100\% + (I + 2\%)] + N \times [100\% + (I + 2\%) \times d/365]\}$$

Trong đó:

Li: khoản liên quan theo đó khoản thưởng hoạt động hàng năm được tính.

V<sub>i</sub>: là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i cộng với các khoản cổ tức quỹ chia trong năm.

V<sub>i-1</sub>: là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm (i - 1).

N: số tiền thu được từ đợt tăng vốn trong năm i

d: số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân đến ngày 31 tháng 12 của năm i.

I: Lãi suất trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm do Nhà nước Việt Nam phát hành được giao dịch trên TTCK Việt Nam vào thời điểm định giá. Nếu không có lãi suất của trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm thì lấy lãi suất của trái phiếu có thời hạn dài nhất tương đương có thể.

Trái phiếu Chính phủ: là trái phiếu do chính phủ Việt Nam phát hành và đảm bảo thanh toán

Lãi suất: là lãi suất phát hành của trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm hoặc lãi suất giao dịch của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn tương đương trên TTCK với khối lượng đủ lớn vào thời điểm gần nhất so với lúc định giá. Trong trường hợp chênh lệch giữa lãi suất phát hành và lãi suất giao dịch trên TTCK lớn hơn 1% thì lãi suất dùng để định giá là trung bình của hai lãi suất kể trên

Ví dụ:

Ngày số vốn huy động mới được phép giải ngân là 20/05/200i => d = 225 ngày

$V_{i-1}$  = 380 tỷ đồng

$V_i$  = 700 tỷ đồng

$I_i$  = 10%

N = 240 tỷ đồng

Như vậy,

$$Li = 700 - \{380 \times [100\% + (10\% + 2\%)] + 240 \times [100\% + (10\% + 2\%) \times 225/365]\} = 16,65 \text{ tỷ đồng}$$

Thưởng hoạt động trong năm i = 20% x 16,65 tỷ = 3,33 tỷ đồng.

## 2. Phương pháp định giá NAV

### 2.1 Thời gian thực hiện việc định giá

Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 do Công ty quản lý quỹ thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Điều lệ Quỹ.

### 2.1 Nguyên tắc thực hiện việc định giá giá trị tài sản ròng (NAV)

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF1 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng (nếu có)...) tại thời điểm định giá.

Giá trị đơn vị quỹ

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

V: giá trị đơn vị quỹ

N: tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành

## 3. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận

### 3.1 Phương pháp tính thu nhập

Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 trong năm được xác định từ 2 nguồn chính:

**Lợi nhuận/(Lỗ) thực hiện ròng:** Là kết quả thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư đã thực hiện trong năm sau trừ đi các khoản chi phí theo quy định.

Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư đã thực hiện bao gồm:

- Cổ tức của các loại cổ phiếu,
- Lợi tức của trái phiếu,
- Lãi tiền gửi ngân hàng

- Lợi nhuận của việc thanh toán các khoản đầu tư.

Các khoản chi phí được phép khấu trừ bao gồm:

- Chi phí quản lý quỹ và thưởng hoạt động trả cho công ty quản lý quỹ
- Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ trả cho ngân hàng giám sát
- Chi phí hội họp, đại hội
- Chi phí kiểm toán báo cáo hoạt động của quỹ
- Chi phí hoạt động khác

**Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện:** Là kết quả chênh lệch từ việc đánh giá lại các khoản đầu tư của quỹ tại thời điểm lập báo cáo.

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1

#### A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN

##### I. Thu nhập hoạt động đầu tư đã thực hiện 1+2+3+4

1. Cổ tức được nhận
2. Lãi trái phiếu được nhận
3. Lãi tiền gửi
4. Thu nhập bán chứng khoán

##### II. Chi phí 1+2+3+4+5

1. Chi phí quản lý quỹ và thưởng hoạt động
2. Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ
3. Chi phí hội họp, đại hội
4. Chi phí kiểm toán
5. Chi phí hoạt động khác

##### III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm I-II

#### B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN

##### I. Thu nhập 1+2

1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán
2. Cổ tức chưa thực hiện

##### II. Chi phí 1

1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư

##### III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong năm I-II

#### LỢI NHUẬN/(LỖ) TRONG NĂM A+B



### 3.2 Kế hoạch phân chia lợi nhuận

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Quỹ đầu tư VF1, việc phân chia lợi nhuận quỹ sẽ được Đại hội người đầu tư hàng năm thông qua dưới sự đề xuất của Ban đại diện quỹ.

### 4. Giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ VF1 phát hành thêm sẽ được niêm yết ngay sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Do vậy, việc chuyển nhượng chứng chỉ quỹ VF1 sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Do là quỹ đầu tư dạng đóng nên Quỹ đầu tư VF1 và Công ty quản lý Quỹ VFM sẽ không chịu trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ đầu tư VF1 đã phát hành từ các nhà đầu tư.

### 5. Trường hợp ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ

Kết thúc thời hạn hoạt động của quỹ như trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam mà không có quyết định gia hạn của Đại hội người đầu tư hoặc kết thúc hoạt động trước thời hạn theo quyết định của Đại hội người đầu tư.

Giá, khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ có biến động bất thường.

Vi phạm nghiêm trọng về công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Hoạt động kinh doanh của quỹ VF1 bị thua lỗ trong 02 năm liên tiếp.

Trường hợp UBCKNN, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư hoặc đảm bảo hoạt động ổn định của thị trường.

### 6. Xung đột về lợi ích giữa quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác

Công ty quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do công ty quản lý điều hành. Tuy nhiên, việc kiểm soát những xung đột này là hoàn toàn có thể thực hiện được dựa trên những điểm sau:

1) Các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do cùng một công ty quản lý quỹ điều hành có những điểm tách biệt như:

- Cơ cấu tổ chức nhân sự hoạt động;
- Các tiêu chí và chiến lược đầu tư;
- Không được phép sử dụng vốn và tài sản của một quỹ này đầu tư vào một quỹ khác và ngược lại.

2) Khi xảy ra sự xung đột trong đầu tư giữa các Quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác thì việc đầu tư sẽ được giải quyết trên cơ sở như sau:

- Dựa trên danh mục đầu tư đã định cho từng quỹ đầu tư;
- Các quy định về tỷ lệ đầu tư tối đa vào một ngành của các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác (theo quy định, không đầu tư quá 30% nguồn vốn vào một ngành);
- Theo tỷ lệ phần trăm về quy mô nguồn vốn của quỹ còn lại chưa đầu tư của quỹ và các sản phẩm tài chính khác.

## 7. Chế độ báo cáo

Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ đầu tư và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ đầu tư.

### 7.1 Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.

Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ đầu tư phải gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và đến mỗi người đầu tư của Quỹ đầu tư.

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về báo cáo tài chính.

### 7.2 Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ VFM phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về công bố thông tin và báo cáo các hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư VF1.



## VI. CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được bất kỳ ngân hàng hoặc sự cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một tổ chức nào, không có bất kỳ sự cam kết chắc chắn nào quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đã đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoảng thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những rủi ro quan trọng mà những nhà đầu tư nên quan tâm vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả lãi hoặc lỗ của những khoản đầu tư của quý nhà đầu tư.

### 1. Rủi ro hệ thống

Khi nền kinh tế rơi vào khủng hoảng, thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng là nơi bị ảnh hưởng trực tiếp. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ đầu tư VF1. Trong những năm vừa qua với những chính sách điều hành vĩ mô hợp lý, nền kinh tế Việt Nam tương đối ổn định, ít biến động so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

### 2. Rủi ro về lãi suất thị trường

Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của quỹ như: trái phiếu Công ty, trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu ưu đãi cổ tức... sẽ bị giảm giá trị đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Lãi suất thị trường của Việt Nam đã được thả nổi từ nhiều năm nay, tuy nhiên với chính sách điều hành thị trường tiền tệ một cách hợp lý nên lãi suất thị trường nhìn chung là biến động nhẹ và không xáo trộn nhiều đến hiệu quả hoạt động của quỹ VF1 trong thời gian vừa qua.

### 3. Rủi ro về mất khả năng thanh toán

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán cho đợt tăng vốn của các loại chứng khoán nợ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc.

Tại Việt Nam hiện nay chưa hình thành các tổ chức tài chính trung gian chịu trách nhiệm đánh giá hạn mức tín nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Do vậy, để hạn chế rủi ro này, danh mục đầu tư vào các loại chứng khoán có thu nhập ổn định của quỹ VF1 hiện tập trung đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu chính phủ, kỳ phiếu của các Ngân hàng thương mại quốc doanh... là những loại chứng khoán có độ an toàn về khả năng thanh toán và tính thanh khoản rất cao.

### 4. Rủi ro về tính thanh khoản

Với tỷ trọng đầu tư đáng kể trong tổng tài sản của quỹ vào các doanh nghiệp cổ phần hoá và các doanh nghiệp cổ phần tiềm năng trong khi tại Việt Nam chưa hình thành sàn giao dịch chính thức dành cho cổ phiếu chưa niêm yết. Do vậy, việc thanh toán các khoản đầu tư sẽ gặp khó khăn khi tính thanh khoản của cổ phiếu thấp và do vậy ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của quỹ. Để hạn chế rủi ro này, quỹ VF1 tập trung đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt, có thương hiệu, quy mô vốn lớn, hoạt động hiệu quả và có triển vọng niêm yết trên thị trường chứng khoán trong tương lai gần.

### 5. Rủi ro cạnh tranh

Cũng giống như những ngành nghề kinh doanh khác, quỹ đầu tư VF1 cũng sẽ chịu sự cạnh tranh trực tiếp từ các cá nhân, tổ chức đầu tư và các quỹ đầu tư khác. Chính sự cạnh tranh này sẽ làm giảm những

cơ hội đầu tư hấp dẫn cũng như làm giảm hiệu quả đầu tư. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ của hai đối tác có nhiều kinh nghiệm trong liên quan VFM là Dragon Capital Management và Ngân hàng Sacombank là một lợi thế rất lớn trong việc giúp VF1 tiếp cận các cơ hội đầu tư hấp dẫn cũng như làm giảm sức cạnh tranh so với các nhà đầu tư khác.

## 6. Rủi ro về chính sách, luật pháp

Có thể nói khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của lĩnh vực chứng khoán đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được hoàn chỉnh và chỉ dừng lại ở cấp độ Nghị định. Những chính sách, chế độ có liên quan như: quy định về thuế đối với các nhà đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán, các chính sách khuyến khích đầu tư, niêm yết chứng khoán... chưa rõ ràng. Chính vì vậy, sự tin tưởng của các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán còn ở mức độ rất hạn chế. Tuy nhiên, với việc đưa vào góp ý và thông qua Dự thảo Luật Chứng khoán tại kỳ họp thứ 9 - Quốc hội Khóa XI tới đây sẽ tạo hành lang pháp lý vững chắc, giúp tháo gỡ những khó khăn và vướng mắc về cơ chế như hiện nay.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang đẩy mạnh gia nhập các tổ chức Thương mại Thế giới và đàm phán song phương, đa phương với nhiều quốc gia trên thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến chính sách thuế, các rào cản thương mại... khác mà Chính phủ Việt Nam đang áp dụng. Những thay đổi về chính sách của Nhà nước liên quan trực tiếp đến những ngành nghề kinh doanh mà công ty đang thực hiện đầu tư cũng sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả đầu tư của quỹ VF1. Để hạn chế rủi ro này, danh mục đầu tư của quỹ VF1 tập trung vào những cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành, năng lực cạnh tranh cao và ít nhận được sự bảo hộ của Nhà nước.

## 7. Rủi ro quản lý

Rủi ro này phát sinh từ việc quản lý của công ty quản lý quỹ. Hậu quả của rủi ro này là việc đầu tư của quỹ không đạt được các mục tiêu đã đề ra. Để giảm thiểu loại rủi ro này, Công ty quản lý quỹ sẽ áp dụng các phương pháp quản trị doanh nghiệp tiên tiến, tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn cao và việc phân cấp đầu tư một cách rõ ràng với việc thành lập Hội đồng đầu tư có sự tham dự của các thành viên lãnh đạo cấp cao nhất của Công ty quản lý quỹ. Bên cạnh đó, sự giám sát chặt chẽ của ngân hàng giám sát cũng sẽ giúp giảm thiểu rủi ro quản lý cho việc đầu tư của quỹ VF1.

## 8. Rủi ro về sự giảm sút giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ

Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại cổ phiếu trên thị trường không chính thức (OTC) và cổ phiếu trên thị trường chính thức mà Quỹ đầu tư VF1 đầu tư. Khi đó NAV của quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ VF1 trên thị trường. Với danh mục đầu tư cân bằng của Quỹ đầu tư VF1, cộng với việc Quỹ tham gia đầu tư vào các loại cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng và triển vọng niêm yết trên TTCK thì việc giảm sút NAV có thể được hạn chế.

## 9. Rủi ro về biến động NAV và giá giao dịch chứng chỉ quỹ sau đợt tăng vốn

Do tác động của việc phát hành chứng chỉ quỹ bằng mệnh giá khi tăng vốn, giá trị tài sản ròng của quỹ sẽ suy giảm khi kết thúc đợt tăng vốn. Khi giá trị tài sản ròng của quỹ giảm sút sẽ có tác động đến giá giao dịch của chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 trên thị trường. Rủi ro sẽ xảy ra, đặc biệt đối với nhà đầu tư cá nhân khi mà thị giá chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 biến động tăng/giảm mạnh và nhà đầu tư cá nhân đầu tư với giá giao dịch cao hơn mức độ có thể sinh lời để nhận được quyền mua chứng chỉ quỹ từ đợt phát hành tăng vốn này. **Do vậy, nhằm mục đích bảo vệ cho các nhà đầu tư cá nhân tránh những biến động tăng/giảm thị giá chứng chỉ quỹ sau khi phát hành cùng với việc tăng/giảm giá bất thường của TTCK, công ty quản lý quỹ VFM lưu ý nhà đầu tư cá nhân cần có sự cân nhắc thật kỹ lưỡng trước khi quyết định tham gia góp vốn trong giai đoạn 2 của đợt tăng vốn.**

## VII. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

Địa điểm phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1:

### **Công ty LD Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM)**

Trụ sở chính:

Lầu 8, Tòa nhà Bitexco, 19 – 25 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM

Tel: 08-914 3393 Fax: 08-914 3392

### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Tầng 7, Tòa nhà Sacombank, 88 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 04-942 8168 Fax: 04-942 8169

### **Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

**Trụ sở chính:**

180 -182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Tel: (84-8) 821 8567 – Fax: (84-8) 821 3867

### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

25 Trần Bình Trọng, Hà Nội

Tel: (84-4) 942 6718 – Fax: (84-4) 942 6719





#### Trụ sở chính

Lầu 8, Tòa nhà Bitexco  
19-25 Nguyễn Huệ  
Q.1, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT : +84 8 914 3393  
Fax: +84 8 914 3392  
[www.vinafund.com](http://www.vinafund.com)

#### Văn phòng tại Hà Nội

Lầu 6, Tòa nhà Sacombank  
88 Lý Thường Kiệt  
Q. Hoàn Kiếm  
ĐT : +84 4 942 8168  
Fax: +84 4 942 8169  
[vfmhanoi@vinafund.com](mailto:vfmhanoi@vinafund.com)